

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/KDTM - ST
Ngày: 28 – 3 – 2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng kinh tế về
việc mua bán vật liệu xây dựng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Quang Lương
2. Bà Đặng Thị Thu

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Huyền, Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 27/2022/TLST – KDTM ngày 18 tháng 11 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng kinh tế về việc mua bán vật liệu xây dựng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐST - KDTM ngày 14 tháng 02 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2023/QĐST-KDTM ngày ngày 28 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH TP QB; địa chỉ: Số 90 đường LL, phường ĐH, thành phố H, tỉnh Quảng Bình; đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân T – Chức vụ: Giám đốc; đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Quốc H – Chức vụ: Trưởng Phòng kinh doanh (*Theo giấy ủy quyền ngày 01/01/2023 của Giám đốc Công ty TNHH TP Q B*). Ông H có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng TA - VW; địa chỉ: Số 66 ngõ NT, phố GVM, phường KM, quận BD, thành phố HN; đại diện theo pháp luật: Ông Lâm Thái T – Chức vụ: Giám đốc. Ông T vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 03/11/2022, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người được ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Căn cứ Hợp đồng kinh tế số 50/HĐKT-MBVLXD ngày 06/6/2021 về việc “Mua bán vật liệu xây dựng” để phục vụ thi công gói thầu ĐH/W3 tại thành phố H, tỉnh Quảng Bình giữa bên mua (bên A) Công ty CPĐT và XD TA – VW (gọi tắt là Công ty TA - VW) và bên bán (bên B) Công ty TNHH TP QB (Công ty TP QB). Với các nội dung như sau: “Điều 1: Hàng hóa và đơn giá: Bên B bán cho bên A các loại hàng hóa phục vụ thi công sau đây: - Xi măng PCB30, 40 các loại. – Thép cuộn trơn D6,8; thép cây tròn gai CB 300, CB 400. Số lượng theo yêu cầu của bên B... Điều 7: Hiệu lực hợp đồng: Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày kí đến hết ngày 31/12/2021....”. Sau khi ký hợp đồng hai bên công ty đã giao nhận hàng, đến ngày 31/12/2022 hai bên đã có biên bản đối chiếu công nợ mua bán hàng hóa từ ngày 01/10/2021 đến ngày 31/12/2021, chốt lại số tiền mà Công ty CPĐT và XD TA – VW còn nợ Công ty TNHH TP QB là 147.068.030 đồng (Một trăm bốn mươi bảy triệu, không trăm sáu mươi tám nghìn, không trăm ba mươi đồng).

Tại hợp đồng kinh tế số 004/HĐKT-MBVLXD ngày 01/01/2022 về việc “Mua bán vật liệu xây dựng” để phục vụ thi công gói thầu ĐH/W3 tại thành phố H, tỉnh Quảng Bình giữa bên mua (bên A) Công ty CPĐT và XD TA – VW và bên bán (bên B) Công ty TNHH TP QB. Với các nội dung như sau: “Điều 1: Hàng hóa và đơn giá: Bên B bán cho bên A các loại hàng hóa phục vụ thi công sau đây: - Xi măng PCB30, 40 các loại. – Thép cuộn trơn D6,8; thép cây tròn gai CB 300, CB 400. Số lượng theo yêu cầu của bên B... Điều 7: Hiệu lực hợp đồng: Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày kí đến hết ngày 31/12/2022....”. Sau khi ký hợp đồng giữa hai bên, từ tháng 01/2022 đến hết ngày 28/02/2022 Công ty CPĐT và XD TA – VW tiếp tục đặt và mua hàng của Công ty TNHH TP QB. Sau khi Công ty TA nhận hàng thì Công ty TP đã xuất các hóa đơn GTGT số 0002185 ngày 15/01/2022 tổng số tiền: 50.819.000 đồng; hóa đơn GTGT số 0002259 ngày 26/02/2022 tổng số tiền: 40.250.000 đồng; hóa đơn GTGT số 0002261 ngày 26/02/2022 tổng số tiền: 94.476.650 đồng. Hàng hóa được giao tại khu vực chợ BL và có biên bản giao nhận, biên bản nghiệm thu giá trị. Khối lượng hàng hóa do Ban điều hành công trường ký xác nhận là đã nhận đủ số lượng theo đơn đặt hàng. Số tiền phát sinh sau khi ký hợp đồng là 185.545.650 đồng (Một trăm tám mươi lăm triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn, sáu trăm năm mươi đồng). Đến ngày 28/01/2022 Công ty TA đã chuyển khoản vào tài khoản Công ty TP số tiền 50.000.000 đồng. Vì vậy, số tiền mua hàng Công ty TA còn nợ Công ty TP tại Hợp đồng kinh tế số 004/HĐKT-MBVLXD ngày 01/01/2022 số tiền còn lại 135.545.650 đồng (Một trăm ba mươi lăm triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn, sáu trăm năm mươi đồng). Như vậy, tổng số tiền Công ty TA - VW còn nợ Công ty TP QB tại hai Hợp đồng với tổng số tiền gốc là 282.613.680 đồng (Hai trăm tám mươi hai triệu, sáu trăm mười ba nghìn, sáu trăm tám mươi đồng).

Công ty TP QuB đã nhiều lần gửi công văn, gọi điện thoại yêu cầu Công ty TA - VW thanh toán số tiền còn nợ của hai hợp đồng kinh tế trên nhưng phía Công

ty TA - VW không chịu thanh toán, không ký vào biên bản đối chiếu công nợ số tiền nợ còn lại. Vì vậy, Công ty TP làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới yêu cầu Công ty TA - VW thanh toán cho Công ty TP QB số tiền gốc mua hàng vật liệu xây dựng còn nợ tại hai Hợp đồng kinh tế đã ký kết là 282.613.680 đồng (*Hai trăm tám mươi hai triệu, sáu trăm mười ba nghìn, sáu trăm tám mươi đồng*). Công ty Trường Phát Quảng Bình không yêu cầu tính lãi suất quá hạn.

Đối với bị đơn Công ty TA - VW: Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổ chức phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và phiên hòa giải để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty TA ông Lâm Thái T - Giám đốc công ty không có mặt nên các bên đương sự không tự thỏa thuận được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo qui định của pháp luật.

Đại diện bị đơn Công ty TA - VW ông Lâm Thái T - Giám đốc công ty vắng mặt nên không có lời trình bày, ý kiến tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới phát biểu quan điểm:

* Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp phát sinh từ hoạt động kinh doanh của hai công ty, tranh chấp phát sinh từ quan hệ hợp đồng, do đó đây là tranh chấp kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35 và điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

* Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký toà án đảm bảo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự về thời hạn. Hoạt động tổ chức phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải trong giai đoạn chuẩn bị xét xử đúng quy định pháp luật. Thực hiện thủ tục tố tụng đạt theo đúng quy định.

* Vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên toà do Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Đảm bảo thời gian chuyển hồ sơ đến cho Viện kiểm sát để nghiên cứu hồ sơ theo đúng quy định của pháp luật. Đảm bảo hoạt động tham gia phiên toà của Viện kiểm sát. Tại phiên toà đảm bảo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 50, Điều 55 Luật thương mại chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị bị đơn thanh toán số tiền nợ theo hợp đồng mua bán hàng hoá là 282.613.680 đồng (*Hai trăm tám mươi hai triệu, sáu trăm mười ba nghìn, sáu trăm tám mươi đồng*).

Về án phí: Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án đề nghị toà án tuyên nghĩa vụ án phí của bị đơn tương ứng với số tiền nợ phải trả cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền: Bị đơn Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TA - VW do ông Lâm Thái T đốc là người đại diện theo pháp luật có địa chỉ trụ sở tại: Số 66 ngõ NT, phố GVM, KM, quận BD, thành phố Hà Nội. Tranh chấp phát sinh từ hoạt động kinh doanh của hai công ty, tranh chấp phát sinh từ quan hệ hợp đồng, do đó đây là tranh chấp kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35 và điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Công ty TNHH TP QB khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TA - VW do ông Lâm Thái T làm Giám đốc là người đại diện theo pháp luật trả số tiền gốc theo Hợp đồng kinh tế số 50/HĐKT-MBVLXD ngày 06/6/2021 về việc “Mua bán vật liệu xây dựng” và Hợp đồng kinh tế số 004/HĐKT-MBVLXD ngày 01/01/2022 về việc “Mua bán vật liệu xây dựng” để phục vụ thi công gói thầu ĐH/W3 tại thành phố H, tỉnh Quảng Bình. Công ty TP QB và Công ty TA - VW là các tổ chức có đăng ký kinh doanh, mục đích kinh doanh có lợi nhuận, đây là tranh chấp hợp đồng kinh tế về mua bán vật liệu xây dựng trong hoạt động kinh doanh thương mại theo qui định tại khoản 1 Điều 30 BLTTDS.

[1.3] Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn: Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có mã số doanh nghiệp 3101001076 (đăng ký lần đầu ngày 14/9/2015, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 15/4/2021) và Giấy ủy quyền số 02 ngày 01/01/2023 thì ông Trương Quốc H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tham gia tố tụng; việc ủy quyền của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật. Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập các bên đương sự đến Tòa án để tiến hành các thủ tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã đến Tòa án làm bản tự khai tham gia phiên họp công khai, tiếp cận chứng cứ và hòa giải theo giấy triệu tập của Tòa án.

[1.4] Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TA - VW do ông Lâm Thái T làm Giám đốc là người đại diện theo pháp luật không đến Tòa án làm bản tự khai. Ngày 09/12/2022 Tòa án nhận được văn bản trình bày của Công ty TA - VW số 30.TCHC-Tr.An ngày 30/11/2022 với nội dung: *“1. Tại nội dung khiếu kiện của Công ty TNHH TP, Công ty TA chưa tập hợp đầy đủ hồ sơ tài liệu về nội dung mà Công ty TNHH TP khiếu kiện, mặt khác Công ty TNHH TP và Công ty TA chưa có buổi làm việc chính thức nào giữa hai đơn vị để khẳng định các số liệu mà Công ty TNHH TP nêu ra, vì vậy Công ty TA chưa đồng ý với nội dung khiếu kiện này. Về mặt thủ tục pháp lý, hành chính của hợp đồng thương mại (mua bán) chúng tôi sẽ phối hợp với Công ty TNHH TP để làm rõ và*

chính xác công nợ giữa hai đơn vị. 2. Vì thời gian này là tháng cuối năm tài chính nên Công ty TA xin gia hạn thời gian làm việc khi hai Công ty làm việc mà không đạt được sự đồng thuận về các nội dung khiếu kiện. Nếu hai công ty đạt được sự đồng thuận nội dung khiếu kiện và giải quyết xong, dứt điểm thì chúng tôi sẽ thông báo với Quý Tòa bằng văn bản.”. Sau đó bị đơn vắng mặt tại các lần Tòa án triệu tập tiếp theo, nên không lấy được lời khai cũng như quan điểm, ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện. Để có căn cứ giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi giấy triệu tập qua đường bưu điện đối với bị đơn Công ty TA - VW do ông Lâm Thái T - Giám đốc là người đại diện theo pháp luật nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt tại các buổi làm việc do Tòa án triệu tập.

[1.5] Quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành xác minh địa chỉ trụ sở hoạt động và tình trạng đăng ký kinh doanh của Công ty Cổ phần đầu tư và Xây dựng TA – VW do ông Lâm Thái T làm Giám đốc. Kết quả xác minh như sau: Xác nhận tại Phòng đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội thì Công ty Cổ phần đầu tư và Xây dựng TA – VW có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp là 0100110528, đăng ký lần đầu ngày 22/9/2005, đăng ký thay đổi lần 6 ngày 02/3/2022; hiện đang có trụ sở chính tại: Tầng 5-Tòa nhà Công ty Mỹ Thuật TW, số 1 GVM, phường KM, quận BĐ, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Lâm Thái T – sinh ngày 28/11/1962, chức danh: Giám đốc. Tình trạng doanh nghiệp tại Hệ thống Thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp: Đến tại thời điểm hiện tại, doanh nghiệp trên chưa đăng ký thủ tục giải thể, tạm ngừng hoạt động, chuyển đổi loại hình hay sáp nhập, chia tách, hợp nhất doanh nghiệp.

[1.6] Do vắng mặt bị đơn nên vụ án thuộc trường hợp không thể tiến hành hòa giải được, vì vậy Tòa án chỉ tiến hành phiên họp công khai về kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản không tiến hành hòa giải được với sự có mặt của nguyên đơn đồng thời ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐST-KDTM ngày 14/02/2023 và tiến hành gửi cho các bên đương sự. Ngày 27/02/2023 Tòa án nhận được văn bản số 01/Tr.An – TCHC của Công ty TA đề nghị Tòa án yêu cầu Công ty TP tổ chức đối chiếu công nợ trực tiếp với Công ty TA – VW cho đến hết thời gian thực hiện hợp đồng là 31/12/2022. Ngày 06/3/2023 Công ty TNHH TP QB đã có văn số 04/CV-TP “v/v đối chiếu xác nhận, thanh toán công nợ” gửi cho Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng TA – VW để cùng tổ chức đối chiếu công nợ trực tiếp trong thời gian thực hiện hợp đồng mua bán số 004/HĐKT-MBVLXD đến ngày 31/12/2022 cùng các biên bản đối chiếu công nợ năm 2022; Biên bản giao nhận hàng; Biên bản nghiệm thu khối lượng và giá trị hàng hóa. Ngày 28/02/2023 Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm, tuy nhiên bị đơn Công ty Cổ phần đầu tư và Xây dựng TA – VW do ông Lâm Thái T - Giám đốc là người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, Điều 227 Bộ Luật tố tụng Dân sự ra quyết định hoãn phiên tòa số 17/2023/QĐST-KDTM ngày 28/02/2023 và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 28/3/2023 đồng thời tiến hành tổng đạt các văn bản

tổ tụng cho nguyên đơn và bị đơn hợp lệ. Như vậy, bị đơn đã từ bỏ quyền và không chấp hành nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[1.7] Việc xét xử vắng mặt của đương sự: Bị đơn Công ty Cổ phần đầu tư và Xây dựng TA – VW vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về tính hợp pháp, hình thức và nội dung của hợp đồng: Hợp đồng kinh tế số 50/HĐKT-MBVLXD ngày 06/6/2021 về việc “Mua bán vật liệu xây dựng” với các nội dung như sau: “*Điều 1: Hàng hóa và đơn giá: Bên B bán cho bên A các loại hàng hóa phục vụ thi công sau đây: - Xi măng PCB30, 40 các loại. – Thép cuộn tròn D6,8; thép cây tròn gai CB 300, CB 400. Số lượng theo yêu cầu của bên B... Điều 7: Hiệu lực hợp đồng: Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày kí đến hết ngày 31/12/2021....*” và Hợp đồng kinh tế số 004/HĐKT-MBVLXD ngày 01/01/2022 về việc “Mua bán vật liệu xây dựng” với các nội dung như sau: “*Điều 1: Hàng hóa và đơn giá: Bên B bán cho bên A các loại hàng hóa phục vụ thi công sau đây: - Xi măng PCB30, 40 các loại. – Thép cuộn tròn D6,8; thép cây tròn gai CB 300, CB 400. Số lượng theo yêu cầu của bên B... Điều 7: Hiệu lực hợp đồng: Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày kí đến hết ngày 31/12/2022....*”. Hai hợp đồng trên ký kết nhằm để phục vụ thi công gói thầu ĐH/W3 tại thành phố H, tỉnh Quảng Bình. Các Hợp đồng được ký kết và thực hiện giữa Công ty TNHH TP QB và Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng TA - VW. Xét đây là hợp đồng có hình thức, nội dung không trái pháp luật và được các chủ thể có đăng ký kinh doanh ký kết bởi những người đại diện hợp pháp nên có giá trị pháp lý ràng buộc quyền, nghĩa vụ giữa các bên tham gia ký kết hợp đồng, phù hợp với quy định tại Điều 119 Bộ luật Dân sự năm 2015. Người tham gia ký kết hợp đồng có năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện, mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp với quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Về việc thực hiện hợp đồng của các bên: Hội đồng xét xử thấy rằng, sau khi các bên ký kết các hợp đồng kinh tế thì các bên đã có các bảng thanh toán với các lần nghiệm thu; biên bản đối chiếu công nợ cũng như xuất hóa đơn giá trị gia tăng.

Cụ thể tại Hợp đồng kinh tế số 50/HĐKT-MBVLXD ngày 06/6/2021 về việc “Mua bán vật liệu xây dựng”, đến ngày 31/12/2022 hai bên đã có biên bản đối chiếu công nợ mua bán hàng hóa từ ngày 01/10/2021 đến 31/12/2021, chốt lại số tiền mà Công ty CPĐT và XD TA – VW còn nợ Công ty TNHH TP QB số tiền 147.068.030 đồng (*Một trăm bốn mươi bảy triệu, không trăm sáu mươi tám nghìn, không trăm ba mươi đồng*).

Tại Hợp đồng kinh tế số 004/HĐKT-MBVLXD ngày 01/01/2022 về việc “Mua bán vật liệu xây dựng”. Sau khi ký hợp đồng giữa hai bên, từ tháng 01/2022 đến hết ngày 28/02/2022 Công ty CPĐT và XD TA – VW tiếp tục đặt và mua hàng của Công ty TNHH TP QB. Công ty TNHH TP đã xuất các hóa đơn GTGT số 0002185 ngày 15/01/2022 tổng số tiền: 50.819.000 đồng; hóa đơn GTGT số 0002259 ngày 26/02/2022 tổng số tiền: 40.250.000 đồng; hóa đơn GTGT số 0002261 ngày 26/02/2022 tổng số tiền: 94.476.650 đồng. Số tiền phát sinh sau khi ký hợp đồng tại các Hóa đơn GTGT bên Công ty TNHH TP đã xuất hóa đơn là 185.545.650 đồng (*Một trăm tám mươi lăm triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn, sáu trăm năm mươi đồng*). Ngày 28/01/2022 Công ty TA đã chuyển khoản vào tài khoản Công ty TP số tiền 50.000.000 đồng. Nên số tiền gốc mua hàng Công ty TA còn nợ Công ty TNHH TP QB tại Hợp đồng kinh tế số 004/HĐKT-MBVLXD ngày 01/01/2022 số tiền còn lại 135.545.650 đồng (*Một trăm ba mươi lăm triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn, sáu trăm năm mươi đồng*). Vì vậy, Công ty TNHH TP QB khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần đầu tư và Xây dựng TA - VW trả số tiền còn lại của các Hợp đồng kinh tế là 282.613.680 đồng (*Hai trăm tám mươi hai triệu, sáu trăm mười ba nghìn, sáu trăm tám mươi đồng*) có căn cứ cần chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Buộc Công ty Cổ phần đầu tư và Xây dựng TA - VW có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH TP QB toàn bộ số nợ gốc, tính đến ngày 28/3/2023 tổng số tiền: 282.613.680 đồng (*Hai trăm tám mươi hai, sáu trăm mười ba nghìn, sáu trăm tám mươi đồng*).

[4] Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới là phù hợp.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Do yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH TP QB được chấp nhận nên bị đơn Công ty Cổ phần đầu tư và Xây dựng TA - VW phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 5% trên tổng số tiền là: 282.613.680 đồng x 5% = 14.130.684 đồng để sung quỹ nhà nước.

Công ty TNHH TP QB không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại cho Công ty TNHH TP QB số tiền tạm ứng án phí 7.065.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 31AA/2021/0001339 ngày 18/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 30, điểm b Khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39; b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 24 Điều 50 và Điều 55 Luật Thương mại năm 2005;
- Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH TP QB.

1.1. Buộc Công ty Cổ phần đầu tư và Xây dựng TA - VW chịu trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH TP QB tổng số tiền gốc tính đến ngày 28/3/2023 là 282.613.680 đồng (*Hai trăm tám mươi hai triệu, sáu trăm mười ba nghìn, sáu trăm tám mươi đồng*).

Thời hạn thanh toán: Ngay khi bản án có hiệu lực.

1.2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp có quy định khác.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

2.1. Công ty Cổ phần đầu tư và Xây dựng TA - VW phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 14.130.684 đồng để sung quỹ Nhà nước.

2.2. Trả lại cho Công ty TNHH TP QB số tiền tạm ứng án phí 7.065.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 31AA/2021/0001339 ngày 18/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án Dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

4. Án xử công khai, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (28/3/2023). Đối với bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND TP Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Minh

Quá trình thực hiện các Hợp đồng nêu trên, Công ty Hương Sắc đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, cụ thể:

* Đối với Hợp đồng xây lắp: Ngày 18 tháng 10 năm 2019, Công ty VNECO3 và Công ty Hương Sắc có ký hợp đồng xây lắp số 31/2019/ HĐ.HS-VNECO3. Theo hợp đồng, Công ty VNECO3 nhận thi công 15 vị trí từ VT314-VT328 Gói thầu số 9: Xây lắp (bao gồm xây lắp các trạm lắp quang) Lô 9.6: Cung đoạn từ vị trí 39-01 đến vị trí 48-01 Dự án: Đường dây 500Kv Quảng Trạch - Dốc Sỏi theo bản vẽ thi công do Công ty Hương Sắc giao công việc thi công dựng cột và thi công kéo dây với tổng giá trị hợp đồng là: 4.377.111.616 đồng. Thực tế thực hiện: Tổng khối lượng hoàn thành công việc qua 4 lần nghiệm thu mà hai Công ty đã xác nhận bằng văn bản với giá trị là 1.641.475.578 đồng.

- Lần nghiệm thu đợt 1, ngày 06/12/2019 số tiền mà bên Công ty Hương Sắc phải thanh toán cho công ty VNECO3 là 395.073.787 đồng, Công ty VNECO3 cũng đã xuất 2 hóa đơn đối với giá trị xây lắp hoàn thành của đợt 1 của hợp đồng này: Hóa đơn số 0000842 ngày 06/12/2019 giá trị 216.848.824 đồng, Hóa đơn số 0000863 ngày 02/01/2020 giá trị 178.224.963 đồng. Đối với khối lượng hoàn thành công việc đợt 1 này thì Công ty Hương Sắc đã thanh toán đủ cho công ty chúng tôi 395.073.787 đồng (100% giá trị tương ứng khối lượng nghiệm thu).

- Lần nghiệm thu đợt 2, ngày 19/06/2020 số tiền mà bên Công ty Hương Sắc phải thanh toán cho công ty VNECO3 là 273.000.687 đồng, Công ty cũng đã xuất hóa đơn đối với giá trị xây lắp hoàn thành của đợt 2 hợp đồng này: Hóa đơn số 0000916 ngày 19/06/2020 với số tiền là 273.000.687 đồng. Đối với giá trị xây lắp đợt 2, Công ty Hương Sắc chỉ thanh toán cho công ty chúng tôi số tiền là

245.701.000 đồng (90% giá trị nghiệm thu) theo phiếu báo có ngày 26/06/2020 tại ngân hàng MB.

- Lần nghiệm thu đợt 3, ngày 30/08/2020 số tiền mà bên Công ty Hương Sắc phải thanh toán cho công ty VNECO3 là 255.135.885 đồng, Công ty cũng đã xuất hóa đơn đối với giá trị xây lắp hoàn thành của đợt 3 hợp đồng này: Hóa đơn số 0000950 ngày 04/08/2020 với số tiền là 255.135.885 đồng. Đối với giá trị xây lắp đợt 3, Công ty Hương Sắc chỉ thanh toán cho công ty chúng tôi số tiền là 229.622.000 đồng (90% giá trị nghiệm) theo giấy báo có ngày 25/09/2020 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

- Lần nghiệm thu đợt 4, ngày 02/08/2021 số tiền mà bên Công ty Hương Sắc phải thanh toán cho công ty VNECO3 là 718.265.218 đồng, Công ty cũng đã xuất hóa đơn đối với giá trị xây lắp hoàn thành của đợt 4 hợp đồng này: Hóa đơn số 0000087 ngày 02/08/2021 với số tiền là 718.625.218 đồng. Đối với giá trị xây lắp Đợt 4 thì Công ty Hương Sắc chưa thanh toán cho công ty chúng tôi.

Ngày 06 tháng 10 năm 2021, công ty chúng tôi đã gửi công văn số 176 CV/VNECO3-TCKT về việc đề nghị Công ty TNHH đầu tư và xây dựng Hương Sắc thanh toán công nợ 646.439.000 đồng (90% giá trị nghiệm thu đợt 4). Tuy nhiên, Công ty Hương Sắc không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo yêu cầu. Ngày 02 tháng 03 năm 2022, công ty chúng tôi đã gửi công văn số 366 CV/VNECO3-TCKT về việc đề nghị Công ty Hương Sắc thanh toán công nợ quá hạn theo hợp đồng xây lắp số 31/2019/HĐ.HS-VNECO3 ngày 18/10/2019 về việc thi công xây lắp công trình: ĐZ 500 Kv Quảng Trạch – Dốc Sỏi (lô 9.6) đã thi công hoàn thành nghiệm thu lập phiếu giá thanh toán được hai bên xác nhận và xuất hóa đơn ngày 04/08/2020. Đến nay, Công ty Hương Sắc chưa thanh toán số nợ là 771.078.790 đồng, trong đó có 718.265.218 đồng là giá trị khối lượng chưa thanh toán đợt 4 cộng với số tiền 52.813.572 đồng là khoản tiền mà bên Công ty Hương Sắc giữ lại ở Đợt 2 và Đợt 3 (10% giá trị) chưa thanh toán cho chúng tôi.

Do Công ty Hương Sắc chậm trả số tiền theo nghĩa vụ Hợp đồng mà hai bên đã ký kết, như vậy chúng tôi sẽ tính tiền lãi chậm trả đối với Hợp đồng xây lắp số 31/2019/HĐ.HS-VNECO3, tính từ ngày Công ty VNECO3 và Công ty Hương Sắc ký biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc cuối cùng vào ngày **02/08/2021 tạm tính đến ngày 02/06/2022 là 10 tháng chậm trả. Lãi suất chậm trả tính như sau: 771.078.790 đồng x 10% x (10:12) = 62.256.566 đồng**

Như vậy, tổng số tiền nợ gốc và tiền lãi chậm trả Công ty TNHH đầu tư và xây dựng Hương Sắc phải thanh toán cho công ty cổ phần xây dựng Điện VNECO3 theo Hợp đồng xây lắp số 31/2019/ HĐ.HS-VNECO3 tổng cộng là: 833.355.356 đồng.

* Đối với các Hợp đồng kinh tế: Ngày 14 tháng 2 năm 2020, Công ty VNECO3 và Công ty Hương Sắc có ký hợp đồng kinh tế số 08/HĐKT/2020/VNECO3-HS. Theo hợp đồng thì Công ty VNECO3 có bán cột điện bê tông ly tâm (BTLT) cho Công ty Hương Sắc và vận chuyển cột từ kho bên

B đến xã Hưng Trạch – huyện Bố Trạch – Quảng Bình với tổng giá trị là 1.232.508.200 đồng. Ngày 18 tháng 11 năm 2020, Công ty VNECO3 và Công ty Hương Sắc có ký hợp đồng kinh tế số 18/11/2020 HĐ/VNECO3-HS. Theo hợp đồng thì Công ty VNECO3 có bán cột điện bê tông ly tâm (BTLT) cho Công ty Hương Sắc với tổng cộng 165 cột giá trị là 827.688.400 đồng. Và theo hợp đồng cung cấp cột bê tông ly tâm số 18/11/2020 HĐ/VNECO3-HS ngày 18/11/2020. Tổng giá trị của hai Hợp đồng là: 2.060.196.600 đồng. Đến thời điểm ngày 15/05/2021, Công ty chúng tôi đã cung cấp đủ số lượng hàng hóa theo 2 hợp đồng trên.

Tại văn bản số 24/CV-HS, ngày 29/04/2021 của Công ty Hương sắc đã cam kết sẽ thanh toán công nợ với số tiền còn lại là: 108.252.128 đồng đối với hai hợp đồng nêu trên cho công ty chúng tôi trước ngày 31/05/2021. Nhưng đến nay, Công ty Hương Sắc vẫn chưa thanh toán số nợ nói trên đối với hai hợp đồng này. Cũng như Hợp đồng xây lắp, do chậm trả, nên Công ty VNCO3 sẽ tính tiền lãi chậm trả đối với Hợp đồng kinh tế số 08 HĐKT/2020/VNECO3-HS và Hợp đồng kinh tế số 18/11/2020 HĐ/VNECO3-HS, từ ngày Công ty VNECO3 xuất hóa đơn cuối cùng cho Công ty Hương Sắc là ngày **28/04/2021 tạm tính đến ngày 28/05/2022 là 13 tháng chậm trả, lãi suất chậm trả được tính như sau: $108.252.128 \times 10\% \times (13: 12) = 11.727.314$ đồng.**

Như vậy, tổng số tiền gốc và tiền lãi chậm trả Công ty Hương Sắc phải thanh toán cho công ty VNECO3 theo Hợp đồng kinh tế số 08 HĐKT/2020/VNECO3-HS và Hợp đồng kinh tế số 18/11/2020 HĐ/VNECO3-HS tổng cộng là: 119.979.442 đồng. Sự chậm trễ thanh toán của Công ty Hương Sắc đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới quyền lợi pháp của công ty chúng tôi. Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, Công ty VNECO3 buộc phải khởi kiện Công ty Hương Sắc ra Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Tại phiên tòa hôm nay, Công ty VNECO3 yêu cầu Công ty TNHH đầu tư và xây dựng Hương Sắc phải trả số tiền còn nợ cho Công ty cổ phần xây dựng Điện VNECO3 với các hợp đồng như sau: Hợp đồng xây lắp số 31/2019/ HĐ.HS-VNECO3 số tiền nợ gốc và lãi chậm trả tổng cộng là 833.355.356 đồng (trong đó tiền gốc: **771.078.790 đồng, lãi suất chậm trả: 62.256.566 đồng**). Hợp đồng kinh tế số 08 HĐKT/2020/VNECO3-HS và Hợp đồng kinh tế số 18/11/2020 HĐ/VNECO3-HS số tiền nợ gốc và tiền lãi chậm trả là **119.979.442 đồng (trong đó tiền gốc 108.252.128, lãi chậm trả 11.727.314 đồng)**. Tổng toàn bộ số tiền còn nợ theo các hợp đồng và tiền lãi trả chậm là: **953.354.798 đồng**.